

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Số: 93/2025/VFG-QHCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

- Mã chứng khoán: VFG

- Trụ sở chính: 29 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. HCM

- Điện thoại: 028. 3822 8097 Fax: 028. 3829 0457

- E-mail: Info@vfc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2025 (BCTC Riêng & BCTC Hợp nhất)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/10/2025 tại đường dẫn www.vfc.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TRẦN VĂN DŨNG
TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM
Cao ốc VFC Tower, 29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán quý 3 từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025





CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM
Cao ốc VFC Tower, 29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán quý 3 từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

Gồm có:

- 01- Bảng cân đối kế toán*
- 02- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*
- 03- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ*
- 04- Thuyết minh báo cáo tài chính*



CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

THÔNG TIN CHUNG CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam ("Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn. Vào ngày 3 tháng 5 năm 2001, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 70/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302327629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2001 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là VFG theo Quyết định số 157/QĐ-SDGHCM do HOSE cấp ngày 11 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông dược; bán giống cây trồng, cung cấp dịch vụ liên quan đến khử trùng, và dịch vụ cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh và Nhà máy được đặt tại Lô B, Số 107, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Lập, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong Quý 3 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Công Cứ	Chủ tịch
Ông Trần Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Vũ Thủy Hương	Thành viên
Ông Mai Tuấn Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong Quý 3 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban
Ông Bùi Quang Anh	Thành viên
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong Quý 3 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Đào Xuân Trọng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong Quý 3 và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Công Cứ.

Ông Trần Văn Dũng được Ông Trương Công Cứ ủy quyền để ký báo cáo tài chính theo Giấy Ủy quyền số 138/2025/GUQ-TGD ngày 15 tháng 5 năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Kỳ kế toán Quý 3 từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
1	2	3	4	5
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,283,849,387,112	2,112,689,581,964
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	260,354,306,488	791,581,737,034
1. Tiền	111		100,354,306,488	791,581,737,034
2. Các khoản tương đương tiền	112		160,000,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		814,956,000	814,956,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		814,956,000	814,956,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		746,199,064,445	367,653,875,915
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	401,129,101,465	364,284,691,072
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2,005,403,026	5,338,857,500
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		350,000,000,000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	15,122,093,591	16,320,459,209
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(22,057,533,637)	(18,290,131,866)
IV. Hàng tồn kho	140		1,272,205,129,729	944,539,192,437
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1,273,679,392,797	950,855,337,793
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1,474,263,068)	(6,316,145,356)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,275,930,450	8,099,820,578
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.1	3,830,482,345	2,370,555,933
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		445,448,105	5,729,264,645
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		211,215,526,880	230,149,190,605
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,615,045,375	1,999,800,226
1. Phải thu dài hạn khác	216		2,615,045,375	1,999,800,226
II. Tài sản cố định	220		144,795,178,590	153,259,213,318
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	92,695,446,838	100,024,802,917
- Nguyên giá	222		275,166,880,788	280,978,504,289
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(182,471,433,950)	(180,953,701,372)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	52,099,731,752	53,234,410,401
- Nguyên giá	228		71,624,565,648	71,474,565,648
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(19,524,833,896)	(18,240,155,247)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	13,531,434,279	14,101,438,213
- Nguyên giá	231		27,647,980,011	27,647,980,011
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(14,116,545,732)	(13,546,541,798)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2,657,681,464	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	2,657,681,464	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	40,000,000,000	40,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		40,000,000,000	40,000,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7,616,187,172	20,788,738,848
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	7,616,187,172	7,949,475,690
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	12,839,263,158
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,495,064,913,992	2,342,838,772,569

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
1	2	3	4	5
C – NỢ PHẢI TRẢ	300		995,481,903,329	850,911,910,153
I. Nợ ngắn hạn	310		993,856,063,646	849,933,729,023
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	597,750,386,070	118,320,561,431
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6,584,267,374	5,721,567,952
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	31,027,961,325	57,184,731,254
4. Phải trả người lao động	314		158,059,408,120	257,355,588,170
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	109,154,265,550	150,310,247,656
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		916,238,400	2,198,972,160
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	25,743,764,064	21,173,900,232
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	-	172,385,892,579
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		64,619,772,743	65,282,267,589
II. Nợ dài hạn	330		1,625,839,683	978,181,130
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	366,495,360
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	1,625,839,683	611,685,770
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,499,583,010,663	1,491,926,862,416
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1,499,583,010,663	1,491,926,862,416
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		417,146,140,000	417,146,140,000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		417,146,140,000	417,146,140,000
2. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(20,000,000)	(20,000,000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		203,462,343,942	203,462,343,942
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		24,346,814,721	21,974,704,575
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		854,647,712,000	849,363,673,899
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		793,504,609,616	516,955,630,438
+ LNST chưa phân phối kỳ này	421b		61,143,102,384	332,408,043,461
Tổng cộng nguồn vốn	440		2,495,064,913,992	2,342,838,772,569

NGƯỜI LẬP BIỂU / KÊ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Phạm Thị Ngọc Phương

Lập, ngày 24 tháng 10 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Kỳ kế toán Quý 3 từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025*

Đơn vị tính: VND

Stt	Diễn giải	TM	Kỳ này	Kỳ trước	Lũy kế kỳ này	Lũy kế kỳ trước
100	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	VI.1	707,807,127,629	960,982,221,784	2,588,422,323,526	2,960,472,221,856
110	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	24,478,227,000	80,594,847,000	80,624,100,000	263,423,698,652
120	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV		683,328,900,629	880,387,374,784	2,507,798,223,526	2,697,048,523,204
130	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	504,836,588,649	611,454,910,355	1,883,226,502,295	1,998,708,273,379
140	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		178,492,311,980	268,932,464,429	624,571,721,231	698,340,249,825
150	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	13,210,756,308	177,102,319,056	55,723,290,121	212,120,026,037
160	7. Chi phí tài chính	VI.5	22,786,611,215	77,054,771,723	38,752,765,438	98,060,223,151
161	trong đó: chi phí lãi vay		576,913,884	758,139,172	3,092,483,018	4,963,479,154
170	8. Chi phí bán hàng	VI.6	72,037,406,550	165,089,058,161	293,196,444,821	358,191,286,556
180	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	13,685,067,041	9,693,278,887	55,012,239,711	49,479,442,178
190	10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD		83,193,983,482	194,197,674,714	293,333,561,383	404,729,323,977
200	11. Thu nhập khác		2,029,878,887	3,329,567,734	3,832,132,920	6,394,096,027
210	12. Chi phí khác		2,756,839,632	3,650,721,863	5,695,240,871	4,729,788,279
220	13. Lợi nhuận khác		(726,960,745)	(321,154,129)	(1,863,107,951)	1,664,307,748
230	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		82,467,022,737	193,876,520,585	291,470,453,432	406,393,631,725
240	15. Chi phí TNDN hiện hành	VI.8	21,323,920,353	10,744,781,195	49,379,640,321	54,009,462,597
250	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	271,924,196	12,839,263,158	9,316,319,943
260	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		61,143,102,384	182,859,815,194	229,251,549,953	343,067,849,185

NGƯỜI LẬP BIỂU / KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)


Phạm Thị Ngọc Phương

Lập, ngày 24 tháng 10 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Trần Văn Dũng**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	291,470,453,432	406,393,631,725
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	15,305,649,692	15,178,581,211
Các khoản dự phòng	03	(1,074,480,517)	(8,051,914,979)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	139,848,243	(1,473,635,322)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(28,389,707,537)	(192,023,041,401)
Chi phí lãi vay	06	3,092,483,018	4,963,479,154
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	280,544,246,331	224,987,100,388
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	162,576,315,423	123,961,371,122
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(322,824,055,004)	123,582,928,573
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	307,774,426,890	(99,961,554,322)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(1,126,637,894)	1,871,233,095
Tiền lãi vay đã trả	14	3,456,804,837	(4,963,479,154)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(78,104,655,895)	(80,740,480,087)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1,010,170,000	442,350,000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(12,303,918,854)	(13,557,200,084)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	341,002,695,834	275,622,269,531
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8,691,213,494)	(11,561,035,562)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3,008,636,362	3,832,406,363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các ĐV khác	23	(1,275,000,000,000)	(900,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	765,000,000,000	1,200,000,000,000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21,855,043,777	645,773,207
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(493,827,533,355)	292,917,144,008
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	193,144,184,353	566,473,860,136
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(365,530,076,932)	(929,206,741,701)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(206,049,705,000)	(123,629,823,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(378,435,597,579)	(486,362,704,565)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(531,260,435,100)	82,176,708,974
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	791,581,737,034	129,881,543,766
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61	33,004,554	931,063
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	260,354,306,488	212,059,183,803

NGƯỜI LẬP BIỂU / KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Phạm Thị Ngọc Phương

Lập, ngày 24 tháng 10 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1.THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Vào ngày 03 tháng 5 năm 2001, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 70/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302327629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 32 (lần gần nhất) ngày 31 tháng 7 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch là VFG theo Quyết định số 157/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 11 tháng 12 năm 2009.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (trước đây là Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam) và Nhà máy được đặt tại Lô B, Số 107, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Hòa, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam (trước đây là tại Lô B, Số 107, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Lập, Xã Đức Lập, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 là 1.410 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.433 người).

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông dược; cung cấp dịch vụ liên quan đến khử trùng và dịch vụ cho thuê văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 công ty con và 8 chi nhánh.

Thông tin về công ty con như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
		Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
Công ty TNHH Hải Yến	Khánh Hòa	66,67	66,67	66,67	66,67	Cung cấp dịch vụ khách sạn, nhà hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sái Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

Thông tin về các chi nhánh như sau:

STT	Tên	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại phía bắc	Hà Nội
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Quy Nhơn	Gia Lai (trước đây là Quy Nhơn)
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Nha Trang	Nha Trang
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh
6	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Nam Sông Hậu	Cần Thơ
7	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Bắc Sông Hậu	An Giang
8	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Đức Hòa Long An	Tây Ninh (trước đây là Long An)

Hoạt động kinh doanh chính của các chi nhánh là cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 3-2025 VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng quý 3-2025**

Báo cáo tài chính riêng quý 3-2025 kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý 3-2025.

Báo cáo tài chính riêng quý 3-2025 kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất quý 3-2025. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng quý 3-2025 này với báo cáo tài chính hợp nhất quý 3-2025 cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng quý 3-2025 này được lập cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng quý 3-2025:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng quý 3-2025 tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý 3-2025 yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng quý 3-2025 cũng như các

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý 3-2025 trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý 3-2025 khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng quý 3-2025 theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

-Đối với hàng hóa, nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ: giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

-Đối với chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm: giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập với tỷ lệ 100% cho hàng đã hết hạn sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Khác	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý 3-2025.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý 3-2025 theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50
Phần mềm máy tính	03 - 05

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, do đó, không trích khấu hao; và
- Nhà cửa, vật kiến trúc được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 17 đến 25 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm phí bảo hiểm, thuê văn phòng, chi phí sửa chữa, cải tạo, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng và phí bảo hiểm thể hiện số tiền thuê văn phòng và phí bảo hiểm đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng và phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý 3-2025 theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê và thời gian được bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa, cải tạo, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý 3-2025, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi từ các khoản đầu tư

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo nhưng đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng quý 3-2025.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý 3-2025.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sỏi Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý 3-2025 vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng quý 3-2025 và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý 3-2025 và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

II. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN QUÝ 3-2025

Đơn vị tính : VNĐ

<i>1 Tiền</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
- Tiền mặt	100,692,384	909,331,331
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	100,253,614,104	790,672,405,703
- Các khoản tương đương tiền	160,000,000,000	
Cộng	260,354,306,488	791,581,737,034

<i>2 Các khoản đầu tư tài chính</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	40,000,000,000	40,000,000,000
- Đầu tư vào công ty con;	40,000,000,000	40,000,000,000
+ Giá gốc	-	
Công ty TNHH Hải Yến	40,000,000,000	40,000,000,000
+ Dự phòng		
Cộng	40,000,000,000	40,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

3 Phải thu của khách hàng**a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng không có

b) Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số đầu năm	18,290,131,866	17,371,469,775
+ Lũy kế phát sinh tăng trong năm	7,171,467,950	4,269,163,007
+ Lũy kế phát sinh giảm trong năm	3,404,066,179	3,350,500,916
Số dư cuối năm	22,057,533,637	18,290,131,866

4 Phải thu khác**a) Ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Phải thu người lao động về thuế TNCN nộp hộ	-	7,464,704,099
- Phải thu về khách hàng liên quan tiền đất	1,500,000,000	3,618,259,000
- Tạm ứng	8,581,286,338	3,289,228,344
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	277,252,072	429,816,713
- Phải thu khác	4,763,555,181	1,518,451,053
Cộng	15,122,093,591	16,320,459,209

b) Dài hạn

- Ký quỹ, ký cược dài hạn	2,615,045,375	1,999,800,226
Cộng	2,615,045,375	1,999,800,226

5 Nợ xấu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.	4,480,084,640	1,572,065,444
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.	1,685,965,288	6,856,730,194
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.	7,338,955,085	672,284,107
Dự phòng nợ phải thu từ 3 năm trở lên.	8,552,528,624	9,189,052,121
Cộng	22,057,533,637	18,290,131,866

Tại ngày báo cáo, các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã được trích lập dự phòng đầy đủ

6 Hàng tồn kho:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Hàng đang đi trên đường;	-	12,751,865,325
- Nguyên liệu, vật liệu;	190,784,771,478	175,621,420,285
- Công cụ, dụng cụ;	3,409,524,932	2,865,242,532
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	7,412,934,044	7,853,966,955
- Thành phẩm;	61,147,479,730	63,851,364,663
- Hàng hóa;	1,010,924,682,613	687,911,478,033
Cộng	1,273,679,392,797	950,855,337,793

Dự phòng hàng tồn kho

Số đầu năm	(6,316,145,356)	(16,461,183,252)
+ Lũy kế phát sinh tăng trong năm	(17,438,778)	
+ Lũy kế phát sinh giảm trong năm	4,859,321,066	10,145,037,896
Số dư cuối năm	(1,474,263,068)	(6,316,145,356)

7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Phụ lục 1 trang 19

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư Đầu kỳ	65,750,630,035	5,723,935,613	71,474,565,648
- Mua trong năm	-	150,000,000	150,000,000
Số dư Cuối kỳ	65,750,630,035	5,873,935,613	71,624,565,648
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư Đầu kỳ	13,055,005,967	5,185,149,280	18,240,155,247
- Khấu hao trong năm	1,031,725,657	252,952,992	1,284,678,649
Số dư Cuối kỳ	14,086,731,624	5,438,102,272	19,524,833,896
Giá trị còn lại			
- Tại ngày Đầu kỳ	52,695,624,068	538,786,333	53,234,410,401
- Tại ngày Cuối kỳ	51,663,898,411	435,833,341	52,099,731,752
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng:	395,656,844	5,148,935,613	5,544,592,457

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà, Văn phòng làm việc	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư Đầu kỳ	8,092,241,500	19,555,738,511	27,647,980,011
Số dư Cuối kỳ	8,092,241,500	19,555,738,511	27,647,980,011
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư Đầu kỳ		13,546,541,798	13,546,541,798
- Khấu hao trong năm		570,003,934	570,003,934
Số dư Cuối kỳ	-	14,116,545,732	14,116,545,732
Giá trị còn lại			
- Tại ngày Đầu kỳ	8,092,241,500	6,009,196,713	14,101,438,213
- Tại ngày Cuối kỳ	8,092,241,500	5,439,192,779	13,531,434,279

10. Chi phí trả trước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	1,243,875,114	1,342,841,833
- Chi phí thuê VP, kho bãi	352,057,617	177,018,818
- Bảo hiểm	746,693,020	404,078,768
- Chi phí trả trước khác	1,487,856,594	446,616,514
Cộng	3,830,482,345	2,370,555,933
b) Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	2,951,821,191	3,525,725,629
- Chi phí trả trước khác	4,664,365,981	4,423,750,061
Cộng	7,616,187,172	7,949,475,690

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vay ngắn hạn		
+ Giá trị	-	172,385,892,579
+ Số có khả năng trả nợ	-	172,385,892,579
- Trong năm		
+ Lũy kế phát sinh tăng trong năm	193,144,184,353	733,313,497,032
+ Lũy kế phát sinh giảm trong năm	365,530,076,932	934,665,001,701

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

12. Phải trả người bán	Cuối kỳ	Đầu kỳ
INTECH ORGANICS AUSTRALIA PTY LTD	21,664,563,200	16,562,106,076
CÔNG TY TNHH SYNGENTA VIỆT NAM	509,850,597,750	-
ITOCHU CHEMICAL FRONTIER CORPORATION	31,189,354,560	47,711,893,320
SONTOM CORPORATION LTD	7,759,256,400	23,273,894,880
- Phải trả cho các đối tượng khác	27,286,614,160	30,772,667,155
Cộng	597,750,386,070	118,320,561,431

13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước
Phụ lục 2 trang 20

14. Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Ngắn hạn		
- Chi phí phải trả chính sách bán hàng	109,154,265,550	150,310,247,656
Cộng	109,154,265,550	150,310,247,656

15. Phải trả khác	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn;	1,806,949,923	774,346,006
- Bảo hiểm xã hội;	4,650,953,196	86,277
- Bảo hiểm y tế;	816,980,519	0
- Bảo hiểm thất nghiệp;	386,284,199	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	1,050,240,120	1,791,130,772
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	9,260,787,500	6,747,422,500
- Thù lao HĐQT & BKS	2,610,000,002	6,226,986,246
- Phải trả lợi ích cho các cán bộ CNV và đối tác từ đồng tham gia góp vốn xây dựng khách sạn Novotel Nha Trang.	2,802,880,000	3,870,320,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3,274,927,005	4,329,075,951
Cộng	26,660,002,464	23,739,367,752
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1,625,839,683	611,685,770
Cộng	1,625,839,683	611,685,770

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu
Xem phụ lục 3 trang 21

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Vốn góp của các cổ đông	417,146,140,000	417,146,140,000
Cộng	417,146,140,000	417,146,140,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	417,146,140,000	417,146,140,000
+ Vốn góp Đầu kỳ	417,146,140,000	417,146,140,000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp Cuối kỳ	417,146,140,000	417,146,140,000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

<i>d) Cổ phiếu</i>	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành:	41,714,614	41,714,614
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm	41,714,614	32,088,864
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	41,714,614	41,714,614
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm	41,714,614	32,088,864
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	2,000	2,000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	41,712,614	41,712,614
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm	41,712,614	32,088,864
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10000 VND/ cổ phần		
<i>e) Cổ tức đã trả</i>	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	208,563,070,000	125,137,842,000
<i>f) Các quỹ của doanh nghiệp:</i>	Cuối kỳ	Đầu kỳ
+ Quỹ đầu tư phát triển;	203,462,343,942	203,462,343,942
+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	17,475,127,025	17,475,127,025
+ Quỹ Hoạt động xã hội	6,871,687,696	4,499,577,550
Cộng	227,809,158,663	225,437,048,517
17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<i>b) Ngoại tệ các loại:</i>		
USD	1,595.46	32,967.29
<i>c) Nợ khó đòi đã xử lý:</i>	36,754,884,434	36,726,536,964

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	544,993,405,871	810,342,182,068
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;	159,479,991,699	146,746,637,408
- Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	3,333,730,059	3,893,402,308
Cộng	707,807,127,629	960,982,221,784
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	Kỳ này	Kỳ trước
- Chiết khấu thương mại;	24,478,227,000	80,594,847,000
Cộng	24,478,227,000	80,594,847,000
3 Giá vốn hàng bán	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán;	415,333,382,111	527,149,236,559
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;	89,313,205,227	84,115,672,485
- Chi phí kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;	190,001,311	190,001,311
Cộng	504,836,588,649	611,454,910,355

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

4 Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5,952,434,068	5,698,270,797
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;	-	159,795,211,533
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	151,061,907	2,339,017,007
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán;	7,107,229,715	9,269,731,232
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	30,618	88,487
Cộng	13,210,756,308	177,102,319,056
5 Chi phí tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay;	576,913,884	758,139,172
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;	21,847,405,934	11,105,030,812
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	362,291,397	59,683,600
- Chi phí tài chính khác;	-	65,131,918,139
Cộng	22,786,611,215	77,054,771,723
6 Thu nhập khác	Kỳ này	Kỳ trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	1,935,909,091	2,293,272,727
- Các khoản khác	93,969,196	1,036,295,007
Cộng	2,029,878,887	3,329,567,734
7 Chi phí khác	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản bị phạt;		3,837,888
- Các khoản khác	2,756,839,632	3,646,883,975
Cộng	2,756,839,632	3,650,721,863
8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí lương và chi phí khác	63,113,255,985	154,849,938,012
- Chi phí khấu hao	1,629,924,346	1,731,632,500
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7,294,226,219	8,507,487,649
Cộng	72,037,406,550	165,089,058,161
b) Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ		
- Chi phí lương và chi phí khác	12,237,291,438	8,618,314,403
- Chi phí khấu hao	259,371,458	594,403,777
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,188,404,145	480,560,707
Cộng	13,685,067,041	9,693,278,887
9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí NVL; thành phẩm hàng hóa	504,836,588,649	611,454,910,355
- Chi phí nhân công; và chi phí khác	75,350,547,423	163,468,252,415
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,889,295,804	2,326,036,277
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	8,482,630,364	8,988,048,356
Cộng	590,559,062,240	786,237,247,403

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

Kỳ này

21,323,920,353

Kỳ trước

10,744,781,195

- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

21,323,920,353

10,744,781,195

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)

Kỳ này

61,143,102,384

Kỳ trước

182,859,815,194

Số trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)

-

(8,600,000,000)

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)

61,143,102,384

174,259,815,194

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)

41,712,614

41,712,614

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)

1,466

4,178

12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 24 tháng 10 năm 2025.



Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập/ Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2025



Trần Văn Dũng
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

Phụ lục 1**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

<i>Khoản mục</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
<i>Số dư Đầu kỳ</i>	143,942,393,616	32,489,079,354	93,086,866,844	6,314,809,301	5,145,355,174	280,978,504,289
- Mua trong năm	-	547,180,000	4,771,634,030	564,718,000	-	5,883,532,030
- Tăng khác	-	-	-	238,079,000	-	238,079,000
- Thanh lý, nhượng bán	-	219,595,236	10,851,158,295	862,481,000	-	11,933,234,531
<i>Số dư Cuối kỳ</i>	<u>143,942,393,616</u>	<u>32,816,664,118</u>	<u>87,007,342,579</u>	<u>6,255,125,301</u>	<u>5,145,355,174</u>	<u>275,166,880,788</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư Đầu kỳ</i>	81,027,757,894	26,310,527,081	63,754,256,920	5,033,981,584	4,827,177,893	180,953,701,372
- Khấu hao trong năm	5,105,174,114	1,382,582,470	6,000,296,608	606,524,971	118,309,946	13,212,888,109
- Tăng khác	-	-	-	238,079,000	-	238,079,000
- Thanh lý, nhượng bán	-	219,595,236	10,851,158,295	862,481,000	-	11,933,234,531
<i>Số dư Cuối kỳ</i>	<u>86,132,932,008</u>	<u>27,473,514,315</u>	<u>58,903,395,233</u>	<u>5,016,104,555</u>	<u>4,945,487,839</u>	<u>182,471,433,950</u>
Giá trị còn lại						
- <i>Tại ngày Đầu kỳ</i>	62,914,635,722	6,178,552,273	29,332,609,924	1,280,827,717	318,177,281	100,024,802,917
- <i>Tại ngày Cuối kỳ</i>	<u>57,809,461,608</u>	<u>5,343,149,803</u>	<u>28,103,947,346</u>	<u>1,239,020,746</u>	<u>199,867,335</u>	<u>92,695,446,838</u>
- Nguyên giá TSCĐ Cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	29,874,642,258	24,413,063,990	39,190,646,336	3,558,203,301	4,646,803,174	101,683,359,059

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

Phụ lục 2**13. Thuế và các khoản (phải thu) / phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 30/09/2025 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	448,156,691	176,335,331,711	167,869,268,264	-	8,914,220,138
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-		14,286,998,023	14,286,998,023	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	487,863,800	487,863,800	-	0
Thuế TNDN	-	47,410,608,400	62,203,485,854	90,928,501,428	-	18,685,592,826
Thuế thu nhập cá nhân	-	7,470,153,184	39,104,289,375	43,493,493,519	-	3,080,949,040
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	24,955,161	24,955,161	-	-
Thuế môi trường	-	-	525,257,900	525,257,900	-	-
Thuế hộ khoán, thuế trúng thưởng, KTX	-	1,421,020,703	1,592,688,155	2,911,482,558	-	102,226,300
Các loại thuế khác	-	434,792,275	8,306,847,660	8,496,666,915	-	244,973,020
Cộng	-	57,184,731,253	302,867,717,640	329,024,487,568	-	31,027,961,325

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc vào ngày 30/09/2025

Phụ lục 3**16. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	<i>Đơn vị tính: VND</i> Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 31/12/2023	417,146,140,000	(20,000,000)	203,462,343,942	20,061,904,659	604,977,199,208	1,245,627,587,808
Lãi trong năm 2024					421,556,302,393	421,556,302,393
Trích quỹ HĐXH cho năm 2023				5,000,000,000	(5,000,000,000)	-
Trích quỹ khen thưởng cho năm 2024					(44,672,364,458)	(44,672,364,458)
Chi trả cổ tức đợt 2+ đợt 3 năm 2023+ đợt 1 năm 2024					(125,137,842,000)	(125,137,842,000)
Tăng khác					3,659,230	3,659,230
Giảm khác				(3,087,200,084)	(2,363,280,474)	(5,450,480,558)
Số dư tại ngày 31/12/2024	417,146,140,000	(20,000,000)	203,462,343,942	21,974,704,575	849,363,673,899	1,491,926,862,416
Lãi trong năm 2025					229,251,549,953	229,251,549,953
Chi quỹ HĐXH				(2,627,889,854)		(2,627,889,854)
Trích quỹ HĐXH năm 2024				5,000,000,000	(5,000,000,000)	-
Trích quỹ khen thưởng cho năm 2025					(8,000,000,000)	(8,000,000,000)
Chi trả cổ tức 2024- 2025					(208,563,070,000)	(208,563,070,000)
Tăng khác					(2,400,000,000)	(2,400,000,000)
Giảm khác					(4,441,852)	(4,441,852)
Số dư tại ngày 30/09/2025	417,146,140,000	(20,000,000)	203,462,343,942	24,346,814,721	854,647,712,000	1,499,583,010,662